TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2018/QĐST-HNGĐ.	*Nam Từ Liêm, ngày 10 tháng 10 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhâm.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Đào Ngọc Chiến.

+ Ông Trần Quốc Sơn.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 221/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Phan Thị O – SN: 1976.**

- Bị đơn: **Anh Đàm Văn H – SN: 1976.**

Cùng địa chỉ: P 2019, tòa nhà CT1, Chung cư C14 – Bộ Công an, tổ dân phố số 16, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị O, anh Đàm Văn H cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phan Thị O và anh Đàm Văn H có 02 chung là: Đàm Phan Nam, sinh ngày 25/10/2006 và Đàm Phương Chi, sinh ngày 15/12/2009. Ly hôn chị O, anh H tự thỏa thuận, giao cả 02 con chung cho chị O là người tực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung, anh Đàm Văn H đồng ý để chị O nuôi cả 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị O, anh Đàm Văn H tự thỏa thuận như sau: Anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị O là 3.000.000đ/1 cháu/ 1 tháng, kể từ tháng 10/2018 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị O, anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án can thiệp, giải quyết.

- Về án lệ, phí: Chị Phan Thị O xin chịu cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai số: 007838 ngày 30/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Anh Đàm Văn H còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Thẩm phán

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự
- VKSND quận Nam Từ Liêm.
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm
- TAND thành phố Hà Nội.
- UBND xã Văn Tự, huyện Thường Tín, HN.
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Nhâm

HỘI ĐỒNG XÉT

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhâm

(6)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 37-DS</u>:

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi đầy đủ cụ thể từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án mà các đương sự đã thoả thuận được với nhau (quan hệ hôn nhân, việc nuôi con, chia tài sản).

<u>Chú ý:</u> Biên bản này phải được giao (gửi) ngay cho các đương sự tham gia hoà giải.